

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/LĐ-ST
Ngày 26-9-2024
V/v bị đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Kim Dũng.

2. Bà Trịnh Thị Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-LĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2024/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH ABC, địa chỉ: phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H – Trưởng phòng Hành chính nhân sự Công ty TNHH ABC (Giấy ủy quyền số 060524/GUQ ngày 06-52024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Kim D, có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị N, vắng mặt,

Là Luật sư của Văn phòng Luật sư DT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn khởi kiện với nội dung:

Công ty TNHH ABC (sau đây gọi tắt là Công ty) hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất nền thom. Công ty với ông Nguyễn Văn T thỏa thuận, ký kết Hợp đồng lao động số 064 Đm ngày 01-03-2015 có nội dung: Ông T làm công nhân sản xuất nền bắt đầu từ ngày 01-3-2015, hợp đồng không xác định thời hạn, tiền lương, phụ cấp của người lao động; sự quản lý, điều hành, giám sát của Công ty, quyền, nghĩa vụ mỗi bên, ...

Ngày 26-8-2018, ông T và Công ty ký Bản thỏa thuận về việc bảo mật thông tin kỹ thuật của nhà máy cũng là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng lao động. Nội dung bản thỏa thuận người lao động thuộc bộ phận kỹ thuật, trù bị sản xuất, phát triển sản phẩm của nhà máy: Không được sao chép, cung cấp một phần hay toàn bộ thông tin bảo mật cho bất kỳ bên thứ ba nào biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của bên có quyền sở hữu đối với thông tin bảo mật; không được sử dụng thông tin bảo mật của nhà máy phục vụ cho các mục đích khác ngoài việc phục vụ sản xuất sản phẩm cho; sau khi nghỉ việc khỏi Công ty sẽ cam kết không làm việc tại các công ty cùng ngành nghề sản xuất với Công ty trong thời gian tối thiểu 02 năm.

Ngày 31-3-2020, Công ty với ông T ký Phụ lục hợp đồng lao động số 064/04.2020/PLHĐLĐ_Điều Màu về nội dung thay đổi chức danh chuyên môn của ông T từ Công nhân sản xuất nền sang Công nhân sản xuất kỹ thuật từ ngày 01-4-2020.

Ngày 01-12-2021, ông T được bổ nhiệm chức danh Quản đốc bộ phận sản xuất.

Ngày 30-6-2022, Công ty và ông T ký Phụ lục hợp đồng lao động số 064/07.2022/PLHĐLĐ_CBQL_SX01 về nội dung điều chỉnh mức lương của ông T nhận lương mới là 5.250.000 đồng/tháng từ ngày 01-7-2022.

Từ khi ký hợp đồng lao động, ông T vẫn đi làm đều đặn và hưởng lương đầy đủ từ Công ty. Tuy nhiên, từ ngày 16-02-2024, ông Nguyễn Văn T không đến Công ty làm việc và cũng không có bất kỳ thông báo nào cho Công ty. Công ty đã liên hệ trực tiếp với ông Nguyễn Văn T thì ông T cho biết sẽ nghỉ ở nhà một thời gian nhưng không đưa ra lý do chính đáng và không có văn bản thông

báo cho Công ty. Ngày 19-03-2024, Công ty có văn bản thông báo mời ông T tham dự cuộc họp xem xét xử lý việc ông T đã có hành vi tự ý bỏ việc 07 ngày cộng dồn trong 1 tháng. Ông T đã nhận được thông báo nhưng không đến tham gia. Đến ngày 23-4-2024, Công ty thông báo yêu cầu ông T có mặt tại Công ty để giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động giữa hai bên chậm nhất ngày 27-04-2024, nhưng ông T vẫn tiếp tục không đến. Đến nay, ông T vẫn không trở lại làm việc tại Công ty và cũng không phối hợp giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động.

Để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng, văn bản đã ký kết, căn cứ vào pháp luật lao động, Công ty khởi kiện ông Nguyễn Văn T, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

1- Tuyên hợp đồng lao động và các phụ lục hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty với ông T chấm dứt kể từ ngày 16-02-2024.

2- Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho ông T.

3- Ông T có nghĩa vụ:

- Bồi thường cho Công ty 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tương đương 10.500.000 đồng.

- Không được sao chép, cung cấp thông tin bảo mật của Công ty cho bất kỳ bên thứ 3 nào khác.

- Không được sử dụng thông tin bảo mật của Công ty dưới mọi hình thức.

- Không được làm việc tại các doanh nghiệp khác có cùng ngành nghề sản xuất với Công ty trong thời gian tối thiểu 02 năm kể từ ngày 16-02-2024.

Ông Nguyễn Văn T không có mặt và không cho Tòa án biết quan điểm, ý kiến về việc Công ty khởi kiện mình.

Kiểm sát viên nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên; ông T có nghĩa vụ nộp án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Công ty khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là vụ án lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T là bị đơn, cư trú tại quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn

Ông T được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Hợp đồng lao động giữa hai bên thể hiện bằng văn bản, được ký bởi người đại diện hợp pháp của Công ty với ông T. Các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực và đúng thẩm quyền trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực. Toàn bộ nội dung hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái với thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội. Công việc đã giao kết là công việc mà pháp luật không cấm. Do vậy, hợp đồng lao động giữa Công ty với ông T có hiệu lực theo quy định tại các điều 13, 14, 15, 18, 21, 22 và 23 của Bộ luật Lao động, buộc các bên phải thực hiện.

[3.2] Ngày 16-02-2024, ông T tự nghỉ không đến Công ty làm việc và cũng không thông báo lý do. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Lao động, nếu không có lý do, ông T có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty nếu báo trước cho Công ty ít nhất là 45 ngày trước khi nghỉ việc. Tuy nhiên, trước 45 ngày tính đến ngày nghỉ việc (ngày 16-02-2024), ông T không báo trước cho Công ty. Như vậy, ông T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Lao động, Công ty bị ông T đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật.

[3.3] Thời gian ông T tự ý bỏ việc từ ngày 16-02-2024 mà không có lý do chính đáng đến nay đã hơn 05 ngày làm việc liên tục. Đồng thời, Công ty bị ông T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Lao động. Như vậy, Công ty có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông T theo quy định tại điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động mà không phải báo trước cho ông T. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, Hợp đồng lao động và các phụ lục hợp đồng lao động giữa Công ty với ông T chấm dứt kể từ ngày 16-02-2024.

[3.4] Ông T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Lao động. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty về việc: Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho ông T và ông T phải bồi thường cho Công ty nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và một khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong

những ngày không báo trước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Lao động.

Tiền lương của ông T theo hợp đồng lao động là 5.250.000 đồng/tháng. Do đó, một nửa tháng tiền lương của ông T là 2.625.000 đồng. Công ty xác định ông T vi phạm thời hạn báo trước ít nhất là 45 ngày và tính số tiền ông T phải bồi thường cho Công ty tương ứng 1,5 tháng tiền lương là 7.875.000 đồng là có căn cứ đúng theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Lao động. Như vậy, tổng số tiền ông T phải bồi thường cho Công ty là 10.500.000 đồng.

[3.5] Giữa Công ty và ông T đã ký bản thỏa thuận về việc bảo mật thông tin kỹ thuật của nhà máy ngày 26-8-2018 giữa đại diện hợp pháp của Công ty và ông T. Bản thỏa thuận này là một phần không tách rời của Hợp đồng lao động Theo khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Lao động, Điều 4 của Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12-11-2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con, Công ty có quyền thỏa thuận bằng văn bản với ông T về nội dung, thời hạn bảo vệ bí mật kinh doanh, bảo vệ bí mật công nghệ, quyền lợi và việc bồi thường trong trường hợp vi phạm. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về yêu cầu ông T: Không được sao chép, cung cấp thông tin bảo mật của Công ty cho bất kỳ bên thứ 3 nào khác; Không được sử dụng thông tin bảo mật của Công ty dưới mọi hình thức; Không được làm việc tại các doanh nghiệp khác có cùng ngành nghề sản xuất với Công ty trong thời gian tối thiểu 02 năm kể từ ngày 16-02-2024.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Văn T là bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 36; Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 40 của Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố hợp đồng lao động và các phụ lục hợp đồng lao động được ký giữa Công ty TNHH ABC với ông Nguyễn Văn T chấm dứt kể từ ngày 16-02-2024.

2. Công ty TNHH ABC không phải trả trợ cấp thôi việc cho ông Nguyễn Văn T.

3. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ:

- Bồi thường cho Công ty TNHH ABC 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tương đương 10.500.000 đồng.

- Không được sao chép, cung cấp thông tin bảo mật của Công ty TNHH ABC cho bất kỳ bên thứ 3 nào khác.

- Không được sử dụng thông tin bảo mật của Công ty TNHH ABC dưới mọi hình thức.

- Không được làm việc tại các doanh nghiệp khác có cùng ngành nghề sản xuất với Công ty TNHH ABC trong thời gian tối thiểu 02 năm kể từ ngày 16-02-2024.

Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật và cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền nhận được đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp 315.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH ABC 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí lao động sơ thẩm (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006039 ngày 26-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh).

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Dương Kinh;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Kim Dũng

Trịnh Thị Anh

Nguyễn Quốc Phương

